

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2024

V/v Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thỏ

Ông Nguyễn Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2023/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Bá H**, sinh năm 1966 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng**

Địa chỉ Liên hệ: **Số A, Khu phố T, Phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.**

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ *Theo đơn khởi kiện lập ngày 23/10/2023 nguyên đơn ông **Huỳnh Bá H** trình bày:*

Ông và bà **Nguyễn Thị Kim L** có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2012 tại **Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là Phường A, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng**. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng ông sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ông đã không còn tình cảm với nhau và vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà **Nguyễn Thị Kim L**.

Ông và bà **L** có ba con chung là **Huỳnh Anh T**, sinh ngày 10/11/1988, **Huỳnh Anh N**, sinh ngày 01/01/1991, **Huỳnh Anh Đ**, sinh ngày 18/12/2002. Hiện các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Còn về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Ông không yêu cầu giải quyết.

2/ Bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim L** đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông **Huỳnh Bá H** vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt còn bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim L** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Huỳnh Bá H** và bà **Nguyễn Thị Kim L** được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 17/9/2012 ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N (nay là Phường A, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông **H** và bà **L** là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng của ông **H** và bà **L**, theo ông **H** cho rằng quan điểm sống không phù hợp nên vợ ông bỏ đi khỏi gia đình, hai vợ chồng ông đã không còn sống chung từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay và ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà **L**. Còn bà **L** đã được Tòa án thông báo về việc ông **H** yêu cầu ly hôn nhưng đến khi mở phiên tòa cũng không có ý kiến trình bày. Xét thấy, nền tảng của mỗi quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông **H** và bà **L** đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **H**, cho ông **H** được ly hôn với bà **L**.

[2.2] Về con chung: Ông và bà **L** có ba con chung là **Huỳnh Anh T**, sinh ngày 10/11/1988, **Huỳnh Anh N**, sinh ngày 01/01/1991, **Huỳnh Anh Đ**, sinh ngày 18/12/2002 đã trưởng thành nên ông **H** không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông **Huỳnh Bá H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002455 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bà **Nguyễn Thị Kim L** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Bá H**.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông **Huỳnh Bá H** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Kim L**.

2/ Về con chung: là **Huỳnh Anh T**, sinh ngày 10/11/1988, **Huỳnh Anh N**, sinh ngày 01/01/1991, **Huỳnh Anh Đ**, sinh ngày 18/12/2002 đã trưởng thành nên ông **H** không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Ông **Huỳnh Bá H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002455 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bà **Nguyễn Thị Kim L** không phải chịu án phí.

5/ **Q** kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường 1, thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh